TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Trúc Quỳnh

2. Ông Nguyễn Hoành Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXX-ST ngày 28/11/2018; Quyết định hoãn phiên toà số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quang V; sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: ngõ B, phường L, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thanh H; sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố D, phường C, quận B, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn xin ly hôn ngày 14/8/2018, Bản tự khai ngày 15/9/2018 và tại các Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là anh Trần Quang V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thanh H có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường L, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị không chung sống với nhau ngày nào và không tổ chức đám cưới. Nguyên nhân là do chị H đi xem bói và họ nói rằng nếu lấy anh sẽ có nhiều chuyện không hay xảy ra. Tin vào bói toán nên chị H không về sống chung với anh ngày nào và cả hai đều chia tay nhau mỗi người một nơi. Từ đó đến này anh chị không gặp nhau, cũng không liên lạc qua điện thoại. Thời điểm kết hôn với chị H, cả hai anh chị đều tuổi trẻ bồng bột, mới lớn nên mọi suy nghĩ rất đơn giản và không tìm hiểu kỹ về nhau. Nay anh nhận thấy giữa anh và chị H không có tình cảm gì, mục đích kết hôn để xây dựng gia đình không đạt được, do đó, anh đề nghị toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để ổn định tư tưởng và cuộc sống.

Hiện nay anh không biết chị H sinh sống ở đâu mà chỉ biết chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố D, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Ngoài ra anh được biết bố mẹ chị H đã ly hôn và bố chị H là ông Phạm Ngọc Tđã lập gia đình mới sống tại Khu chung cư bao bì, phường P, quận T, Hà Nội. Từ khi quen chị Hcho đến nay, anh vẫn nghĩ chị Hsống cùng với bố. Gần đây do muốn ly hôn nên anh đã tìm tới địa chỉ nơi bố chị H hiện đang cư trú thì chỉ gặp ông T. Ông T cho biết chị H không sinh sống cùng với ông, hiện nay chị đang làm gì ở đâu ông không biết, thỉnh thoảng chị H có về chơi nhưng sau đó lại đi luôn. Ông Tcó đưa cho anh bản sao sổ hộ khẩu của gia đình ông, trong đó có tên chị Phạm Thanh H đăng ký thường trú ở phố D (trước đây là phố Đ), phường C, quận B, Hà Nội. Đây cũng là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H mà anh biết được nên anh đã làm thủ tục nộp đơn xin ly hôn tại Toà án quận Hai Bà Trưng.

- Về con chung: Anh Vxác định anh và chị H không có con chung và anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh V xác định anh chị không có tài sản chung, vay nợ chung và anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2] Bị đơn là chị Phạm Thanh H đã được Toà án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và được thông báo về việc giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng tuy nhiên chị Hiền đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ của chị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà:

Anh Trần Quang V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời khai như trên, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thanh H. Các vấn đề khác anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa; Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

** Về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2014 tại UBND phường Lý Thái Tổ nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị không sống chung nên mục đích hôn nhân không đạt. Anh V có yêu cầu xin ly hôn chị H là phù hợp khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị H

- Về con chung: Anh chị không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

- Về tài sản, nhà đất và vay nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

- Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngày 14/8/2018, anh Trần Quang V có Đơn xin ly hôn đối với chị Phạm Thanh Hi. Theo kết quả xác minh tại Công an phường C, chị Phạm Thanh H và gia đình có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: phố D (trước đây là phố Đ), phường C, quận B, Hà Nội nhưng gia đình chị H đã chuyển đi nơi khác sinh sống, hiện chị Hsinh sống ở đâu cơ quan công an không biết. Do đó có cơ sở xác định địa chỉ nơi chị H đăng ký hộ khẩu thường trú, cũng là nơi chị từng cư trú là nơi cư trú cuối cùng mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Về việc giải quyết vắng mặt đối với bị đơn:

Qua xác minh nơi cư trú của bị đơn như đã nêu ở trên, có cơ sở xác định đơn xin ly hôn của anh Trần Quang V đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã không tống đạt được các văn bản tố tụng cho chị H tại địa chỉ nơi có hộ khẩu thường trú do chị Hiền đã không còn cư trú tại đó.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V có lời khai cung cấp thông tin: bố đẻ chị Hiền là ông Phạm Ngọc T hiện đang cư trú tại khu chung cư bao bì phường P, quận T, Hà Nội. Anh đề nghị Toà án xác minh nơi cư trú của chị Hiền thông qua ông T và Công an phường P.

Toà án tiến hành xác minh tại Công an phường P, quận T được cung cấp: chị H không ăn ở, sinh sống tại địa chỉ: Khu chung cư bao bì phường P, quận T, Hà Nội. Thỉnh thoảng chị H có về chơi thăm bố sau đó lại đi luôn. Hiện chị H sinh sống ở đâu, Công an phường P không biết.

Theo biên bản làm việc ngày 15/9/2018 tại Toà án, ông Phạm Ngọc T – là bố đẻ chị H trình bày: chị H không sinh sống cùng ông tại địa chỉ trên. Thỉnh thoảng chị H gọi điện thoại cho ông hoặc về thăm ông rồi lại đi ngay. Ông có nói với chị H về việc anh V đang yêu cầu ly hôn chị tại Toà án, chị có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng không ra toà án giải quyết. Chị cũng không nói cho ông biết hiện giờ chị đang sinh sống và làm việc ở đâu.

Như vậy có đủ căn cứ xác định: chị H thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Toà án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị H. Anh Vcó yêu cầu Toà án thực hiện việc thông báo cho chị H biết về việc giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng và xét thấy việc đăng thông báo là cần thiết nên Toà án đã thực hiện việc đăng thông báo về việc giải quyết vụ án đối với chị H trên phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn chị Phạm Thanh Hvắng mặt lần thứ hai, nên áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2014 tại UBND phường L, quận H, Hà Nội nên hôn nhân giữa anh Vvà chị H là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu của anh Việt về việc muốn được ly hôn chị H thấy:

Toà án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh V và chị Htại chính quyền địa phương nơi chị H, anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú hiện tại thì được cung cấp như sau:

- Tại Tổ dân phố 8A phường C (nơi chị H có hộ khẩu thường trú) cho biết: chị H anh V có đăng ký kết hôn hay không tổ dân phố không biết, chị H có hộ khẩu thường trú tại số 21 phố D nhưng hiện chị sống ở đâu tổ dân phố không nắm được.

- Tại tổ 3 phường L quận H nơi anh V có hộ khẩu thường trú) được cung cấp: Anh V và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường L. Tuy nhiên tổ dân phố không thấy anh chị tổ chức đám cưới, hiện chị H ở đâu tổ dân phố không biết.

- Tại Tổ dân phố 2B phường L (nơi anh Việt đang cư trú) được cung cấp: Năm 2014, anh Vvà chị Hcó đăng ký kết hôn tại UBND phường L nhưng không tổ chức đám cưới. Từ khi kết hôn đến nay anh V vẫn đang sống với bố mẹ đẻ tại địa chỉ: phố B, phường L. Tổ dân phố không thấy chị H sống cùng và không biết chị sống ở đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc T – Là bố đẻ của chị Hcó ý kiến xác định: Năm 2014, chị Hvà anh Vđăng ký kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, hai người không ở chung với nhau và gia đình hai bên cũng không tổ chức đám cưới cho anh chị. Nay anh V vẫn ở cùng bố mẹ đẻ còn chị Hsống ở đâu, đi đâu, làm gì ông không biết. Thỉnh thoảng chị có về thăm ông rồi lại đi ngay. Ông có hỏi chị sống ở đâu, làm việc gì nhưng chị H không nói cho ông biết. Quan điểm của chị H là tự lo được mọi việc và không cần ông quan tâm. Do đó ông tôn trọng quyết định của chị H vì theo ông chị H đã trưởng thành, có thể tự mình quyết định cuộc sống của chị. Hiện nay ông được biết anh Vcó đơn xin ly hôn chị H tại Toà án. Quan điểm của ông là ủng hộ anh V được ly hôn. Do đó khi chị Hgọi điện cho ông, ông có khuyên chị ra Toà để giải quyết thì chị Hcó nói đồng ý ly hôn với anh V nhưng sẽ không ra Toà án giải quyết. Nay ông thấy anh chị tuy đăng ký kết hôn nhưng không chung sống với nhau ngày nào, mỗi người một nơi, mục đích xây dựng một gia đình theo đúng nghĩa không đạt được nên ông đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị Htheo thủ tục vì bản thân chị không muốn ai biết chị ở đâu, ngay cả gia đình mình chị cũng không muốn cho biết.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Sau khi đăng ký kết hôn anh V và chị H không tổ chức đám cưới, không chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy giữa hai anh chị không tồn tại cuộc sống chung, bản thân anh V cũng xác định không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc tốt đẹp, vợ chồng quan tâm, thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V, giải quyết cho anh V được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh Vxác định anh và chị H không có con chung và anh không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và vay nợ chung: Anh V xác định anh chị không có tài sản chung, vay nợ chung và anh không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xét.

- Về án phí: Anh V là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Quang Vđối với chị Phạm Thanh H. Anh Trần Quang Vđược ly hôn chị Phạm Thanh H.

2. Về con chung: Trần Quang V không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và vay nợ chung: Anh Trần Quang V không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Quang Vphải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004251 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt anh V, vắng mặt chị. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Lý Thái Tổ,Q.Hoàn Kiếm (CNKH số 03/2014, quyển số 02/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thuỷ